



qīng chūn

青春

Noun · youth

Example Sentences

wǒ de qīng chūn hěn měi hǎo
我的青春很美好。

My youth is very beautiful.

qīng chūn shì rén shēng zhōng zuì bǎo guì de shí guāng
青春是人生中最宝贵的时光。

Youth is the most precious time in life.

zài qīng chūn suì yuè lǐ wǒ men yīng gāi yǒng gǎn zhuī qiú mèng xiǎng
在青春岁月里，我们应该勇敢追求梦想。

In our youth, we should bravely pursue our dreams.

Trace each character, then write the word on your own.

青	青	青	青	青	青	青	青	青	青	青
春	春	春	春	春	春	春	春	春	春	春
春										